

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 66A/2023/CV-TĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (223,7 ha) và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ, địa chỉ tại Số 768B Ngô Gia Tự, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1)” - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha), tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng với các nội dung sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2228055434 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 01 năm 2018 (Cấp đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 02221000024 cấp ngày 06 tháng 5 năm 2009); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200765782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0200765782.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư:

- Nhóm ngành gia công chế tạo cơ khí chế tạo lắp ráp: Lắp ráp máy móc công cụ; Sản xuất thiết bị chuyên dụng cho các nhà máy; Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất các sản phẩm dùng trong nông, lâm nghiệp (không có hóa chất bảo vệ thực vật); Sản xuất các thiết bị dùng trong du lịch; Cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện, chế tạo và lắp ráp các kết cấu thép; Sản xuất khuôn chính xác, linh kiện nhựa chính xác; Chế tạo sản xuất thiết bị kiểm định chuẩn đoán ô tô, bộ phận linh kiện ô tô; Chế tạo sản xuất động cơ (motor) cho thiết bị gia dụng; Sản xuất, gia công chế tạo sản phẩm các loại nút xốp dùng cho ngành ô tô, đồ gia dụng; Sản xuất chế tạo bộ phận linh kiện hệ thống an toàn thụ động ô tô,....
- Nhóm ngành công nghiệp điện tử, điện lạnh: Sản xuất hàng điện tử và vi điện tử; Lắp ráp hệ thống thiết bị điện tử viễn thông; Sản xuất và lắp ráp điện thoại di động; Sản xuất và lắp ráp máy vi tính; Chế tạo khuôn mẫu; Sản xuất thiết bị điện lạnh cho tiêu dùng và công nghiệp; Cấp điện công nghiệp và viễn thông (không sản xuất sim mạng); Công nghiệp điện máy, sản xuất máy móc, thiết bị phụ tùng điện công nghiệp và điện gia dụng; Ngành công nghiệp điện tử, công nghệ tin học, phương tiện thông tin, viễn thông, truyền hình, công nghệ kỹ thuật cao,....
- Nhóm ngành thiết bị điện: Sản xuất các loại ổ cắm, phích cắm, công tắc, atomat, lưu điện, máy hút bụi; Sản xuất dây và cáp điện; Sản xuất hệ thống phát điện dùng năng lượng gió, mặt trời, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt,....
- Nhóm vật liệu xây dựng: Sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn; Sản xuất các vật liệu xây dựng không nung; Sản xuất các loại ngói tráng men, ngói trang trí,....
- Nhóm ngành hóa chất - cao su nhựa: Sản xuất các sản phẩm hóa dầu; Xây dựng vận hành đường ống dẫn dầu, dẫn khí, kho chứa LPG; Sản xuất sơn (đáp ứng các điều kiện theo quy định); Sản xuất hóa chất, cao su và hóa mỹ phẩm,....
- Nhóm ngành công nghiệp nhẹ: Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành may mặc (công nghiệp hỗ trợ); may mặc (không thực hiện công đoạn nhuộm); dệt sợi, các sản phẩm nhựa; dụng cụ thể thao,....
- Nhóm ngành sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.
- Nhóm ngành sản xuất vật liệu bao bì đóng gói.
- Hậu cần và kho vận.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
  - Tổng diện tích: 1.329,11 ha (khu đất phía Bắc có tổng diện tích 369,7 ha và khu đất phía Nam có tổng diện tích 959,41 ha).
  - Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
  - Quy mô công suất:
- + Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) - Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha).

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc, công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày (Đã hoàn thành).

+ Khu vực diện tích 300 m<sup>2</sup> trong khu kỹ thuật đầu mối 1 làm khu lưu chứa chất thải của khu công nghiệp. Được chia thành 3 ngăn để lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Trong đó diện tích kho lưu giữ chất thải rắn thông thường là 262,5 m<sup>2</sup>, còn kho chứa chất thải nguy hại là 37,5 m<sup>2</sup> (Đã hoàn thành).

+ Đầu tư trạm bơm cưỡng bức nước mưa từ hồ điều hòa của hệ thống thu gom và thoát nước mưa, đường ống xả nước thải sau xử lý cùng điếm xả thải nước thải của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) (Chưa thực hiện).

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 2) công suất 6.700 m<sup>3</sup>/ngày - khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày khu phía Nam (diện tích 223,7 ha) (Chưa thực hiện).

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng trên phần diện tích 735,71 ha khu phía Nam, bao gồm: san nền 40% diện tích; xây dựng hệ thống giao thông; hệ thống thoát nước thải, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thông tin liên lạc,... hệ thống xử lý nước thải công suất 25.300 m<sup>3</sup>/ngày) (Chưa thực hiện).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô

nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2023 đến ngày ..... tháng ..... năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 119/GP-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 54/GXN-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19 tháng 7 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ;
- Lưu: VT, KSONMT, TT.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành tạm thời khu công nghiệp – khu phía Bắc tại trạm bơm nước cấp và phòng cháy chữa cháy của khu công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc.
- Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ khu vực nhà rác (các kho chất thải) - khu phía Bắc.
- Nguồn số 04: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Bắc.
- Nguồn số 05: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Nam (diện tích 223,7 ha).
- Nguồn số 06: Nước thải từ máy ép bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

###### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Vùng nước biển ven bờ cửa Nam Triệu, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày.

###### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Tọa độ điểm xả thải: X = 2302541; Y = 611972.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiếu 3°).

###### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

###### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Bơm cưỡng bức, xả mặt, xả ven bờ.
- Nước thải sau khi xử lý được bơm cưỡng bức theo đường ống HDPE ra hố ga cuối và tự chảy ra vùng nước biển ven bờ cửa Nam Triệu. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

###### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

###### 2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B,  $K_q = 1,3$  và  $K_f = 1,0$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Màu	Pt/Co	150		-
3	pH	-	5,5 - 9		Đã lắp đặt
4	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	65		-
5	COD	mg/l	195		Đã lắp đặt
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	130		Đã lắp đặt
7	Asen	mg/l	0,13		-
8	Thủy ngân	mg/l	0,013		-
9	Chì	mg/l	0,65		-
10	Cadimi	mg/l	0,13		-
11	Crom (VI)	mg/l	0,13		-
12	Crom (III)	mg/l	1,3		-
13	Đồng	mg/l	2,6		-
14	Kẽm	mg/l	3,9		-
15	Niken	mg/l	0,65		-
16	Mangan	mg/l	1,3		-
17	Sắt	mg/l	6,5		-
18	Tổng xianua	mg/l	0,13		-
19	Tổng Phenol	mg/l	0,65		-
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13		-
21	Sunfua	mg/l	0,65		-
22	Florua	mg/l	13		-
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	13		Đã lắp đặt
24	Tổng nitơ	mg/l	52		-
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	7,8		-
26	Clo dư	mg/l	2,6		-
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,13	01 năm/lần	-
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	1,3		-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
29	Tổng PCB	mg/l	0,013		-
30	Coliform	VK/100 ml	5.000	03 tháng/lần	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1		-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0		-

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành tạm thời khu công nghiệp - khu phía Bắc tại trạm bơm nước cấp và phòng cháy chữa cháy được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại (thể tích 2,72 m<sup>3</sup>), sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại (thể tích 2,72 m<sup>3</sup>), sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ khu vực nhà rác - khu phía Bắc được thu gom về hố ga và hố bơm sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Bắc, được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp - khu phía Nam (diện tích 233,7 ha), được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trước khi thu gom về 02 trạm bơm nước thải nối tiếp (thể tích 65m<sup>3</sup>/trạm và công suất bơm đẩy là 125 m<sup>3</sup>/giờ) và bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ máy ép bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc được thu gom về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc, công suất thiết kế 2.500 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể trung hòa → Hồ kỵ khí → Bể Aerotank 1, 2 → Bể lắng 1, 2 → Hồ sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 2.500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, FeCl<sub>3</sub>, Clorin, rỉ mật, vi sinh (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

- Đã đầu tư 01 máy ép bùn 2,2 kW cho hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại bể chứa nước thải sau xử lý, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: pH, nhiệt độ, COD, TSS, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng theo dõi, giám sát. (Thông số pH, nhiệt độ, COD, DO, TSS, lưu lượng xả thải đã hoàn thành và được xác nhận việc dẫn truyền dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tại biên bản xác nhận của đại diện Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng và Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 12 năm 2019; Amoni, lưu lượng đầu vào đã hoàn thành và được xác nhận việc dẫn truyền dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tại biên bản xác nhận của đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng và Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 5 năm 2021).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 5.772 m<sup>3</sup>. Đáy và thành hồ được xây bằng bê tông cốt thép, đảm bảo chống rò rỉ, không thấm thấu nước ra môi trường. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +2,0 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, ngừng bơm nước thải sau xử lý ra môi trường. Bơm toàn bộ nước mưa lưu chứa trong hồ sự cố ra hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp, sau đó nước thải từ bể thu gom và bể chứa nước thải sau xử lý được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp 01 trong 02 bể Aerotank của hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố thiết bị, nước thải đầu vào được xử lý bằng bể Aerotank còn lại, đồng thời bơm toàn bộ nước mưa lưu chứa trong hồ sự cố ra hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp. Sau đó nước thải từ bể Aerotank bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Trường hợp cả 02 bể Aerotank của hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố thiết bị, ngừng bơm nước thải sau xử lý ra môi trường. Bơm toàn bộ nước mưa lưu chứa trong hồ sự cố ra hệ thống thoát nước mưa khu công nghiệp, sau đó nước thải tại các bể



Aerotank, bể thu gom, bể chứa nước thải sau xử lý sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể trung hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp, kiểm tra đầu nổi và song chắn rác. Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên vệ sinh và nạo vét các trạm bơm trung chuyển hạn chế gây sự cố cho bơm trung chuyển.

- Bố trí cán bộ chuyên môn chịu trách nhiệm vận hành, giám sát hệ thống đồng thời ghi nhật ký vận hành đầy đủ.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Trang bị một số thiết bị dự phòng cho một số máy móc dễ hư hỏng như bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác...

- Đối với chất lượng nước thải sau xử lý: Công tác giám sát chất lượng nước thải sau xử lý được thực hiện liên tục, tự động thông qua trạm quan trắc chất lượng nước thải. Số liệu quan trắc được lưu trữ và theo dõi tại Công ty. Trường hợp phát hiện sự cố, Đơn vị vận hành sẽ tiến hành khắc phục ngay.

- Đối với chất lượng nước thải tại các công đoạn: Định kỳ 02 lần/ngày (sáng và chiều), Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra theo dõi chất lượng nước thải tại công đoạn để phát sinh sự cố như bể Aerotank, hồ sinh học thông qua cảm quan như: màu, mùi, mật độ bùn vi sinh (tại bể Aerotank), cá thể thủy sinh (hồ sinh học) và các thiết bị cảm tay như: pH, DO, độ dẫn điện. Trong trường hợp chất lượng nước thải tại các công đoạn này bắt đầu diễn biến xấu thì tiến hành cô lập dòng nước thải và khắc phục ngay.

#### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (đầu vào khu công nghiệp)
1	Nhiệt độ	°C	45
2	Màu	Pt/Co	170
3	pH	-	5 – 9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Asen (As)	mg/l	0,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01
9	Chì (Pb)	mg/l	0,5
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (đầu vào khu công nghiệp)
13	Đồng (Cu)	mg/l	2
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3
15	Niken (Ni)	mg/l	0,5
16	Mangan (Mn)	mg/l	1
17	Sắt (Fe)	mg/l	5
18	Tổng xianua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	0,5
22	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
24	Tổng nitơ	mg/l	80
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clo dư	mg/l	2
27	Clorua	mg/l	1.000
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	7.500
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0
34	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc, công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại bể thu gom.

- Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (theo cam kết của chủ đầu tư), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường

và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Chủ dự án được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.8. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách vớt dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 5kVA tại trạm bơm trên tuyến đường T18 khu phía Bắc.
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 5kVA tại trạm bơm trên tuyến đường T19 khu phía Bắc.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 125kVA tại trạm bơm số 1 khu phía Nam.
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 125kVA tại trạm bơm số 2 khu phía Nam.
- Nguồn số 05: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 125kVA tại trạm xử lý nước thải tập trung (module 1) - khu phía Bắc của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 06: Khu vực máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung (modul 1) - khu phía Bắc của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 07: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 80kVA tại trạm bơm nước thải sau xử lý (bể 400m<sup>3</sup>).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2302438; Y = 610558
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2302901; Y = 610546
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2301285; Y = 610095
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 2300122; Y = 610134
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 2302694; Y = 610012
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 2302680; Y = 609984
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 2302581; Y = 610408

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	350
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>370</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	5
2	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	2
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	119.110
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	40
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	50
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	100
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	200
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>119.507</b>

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bao bì không chứa thành phần nguy hại thải	0,05
2	Cặn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom nước mưa Khu công nghiệp	0,6
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>0,65</b>

#### 1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	85,6
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>85,6</b>

#### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

##### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng và bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa có diện tích 37,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Móng xây gạch đặc; nền bê tông trên lớp base đầm chặt dày 20 cm, mái lợp tôn sóng; tường làm tôn; có cửa che chắn bằng tôn có khóa đảm bảo không bị mưa nắng thâm nhập; chiều cao kho chứa 4,4 m.

+ Nền kho có thiết kế rãnh thu kích thước 0,2x0,2m; ga thu chất thải nguy hại lỏng phòng sự cố đổ tràn kích thước 0,3x0,3m.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

##### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải (chất thải công nghiệp phải kiểm soát):

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → Bể chứa bùn → Máy ép bùn 2,2 kW → Sân phơi bùn (10 m x 5 m) → Bùn khô (lưu giữ trong bao) → Kho chứa chất thải nguy hại.

- Diện tích sân phơi bùn: 50 m<sup>2</sup>.

- Kết cấu sân phơi bùn: Sàn đổ bê tông, gạch xây bao quanh cao 0,3 m.

##### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 112,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Móng xây gạch đặc; nền bê tông trên lớp base đầm dày 20 cm, có bố trí rãnh thu nước trong nhà rộng 0,2 m; mái lợp tôn sóng dày 0,4 mm; tường xây gạch đặc dày 22 cm; chiều cao kho chứa 4,4 m.

+ Bố trí gờ chắn ngăn nước rỉ rác kích thước 400x150 mm. Sàn được đánh mác dốc 1% về phía 3 hố thu nước, nước rỉ rác theo hố thu nước chảy về 2 hố ga và 1 hố bơm kích. Hố bơm có bố trí bơm công suất 0,75 kW, nước rỉ rác theo đường ống áp lực HDPE D20,



chiều dài 100 m về bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1)  
- khu phía Bắc.

**2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: 04 xe gom có thể tích 500 lít/xe, có bạt che đảm bảo hạn chế phát sinh mùi và côn trùng gây hại.

- Kho/khu lưu chứa: 150 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có cùng thiết kế, cấu tạo với kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

**2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

1. Công ty đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1895/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) đối với Khu phía Bắc (diện tích 369,7 ha) và khu phía Nam (diện tích 223,7 ha) tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1895/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019) mà chủ cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này, bao gồm các nội dung như sau:

**2.1. Các hạng mục cơ sở hạ tầng:**

- Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng trên phần diện tích đã được san nền của khu phía Nam bao gồm: Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống cấp nước; hệ thống thu gom thoát nước thải; hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống kỹ thuật, cây xanh... (đã thực hiện san nền khoảng 60% diện tích trên phần diện tích 735,71 ha khu phía Nam).

- Tiếp tục hoàn thiện việc san nền trên phần diện tích còn lại của khu vực 735,71 ha khu phía Nam.

**2.2. Xây dựng công trình bảo vệ môi trường:**

- Xây dựng trạm bơm cưỡng bức nước mưa từ hồ điều hòa của hệ thống thu gom và thoát nước mưa cùng điểm xả thải nước mưa của khu công nghiệp.

- Xây dựng đường ống xả nước thải sau xử lý cùng điểm xả thải nước thải của khu công nghiệp.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Đối với khu phía Bắc: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.700 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Đối với khu phía Nam: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 27.800 m<sup>3</sup>/ngày khu phía Nam (diện tích 959,41 ha).

+ Chủ đầu tư sẽ chia thành từng modul với công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày hoặc theo công

suất phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư.

+ Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B với hệ số  $K_q = 1,3$  và  $K_f = 1,0$ ).

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Đối với việc thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh di động được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) hiện hữu của Khu công nghiệp để xử lý; tuyệt đối không xả thẳng ra ngoài môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe của phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hồ lắng 2 ngăn có tấm chắn lọc dầu, hồ lắng có dung tích  $3 \text{ m}^3$ , sau đó thải vào hệ thống thoát nước mưa. Bùn đất, cát tại hồ lắng được nạo vét và thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Váng dầu mỡ, vật liệu hấp phụ dầu được thu gom, lưu chứa tại kho chất thải nguy hại; định kỳ thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động dưỡng hộ bê tông được thu gom, xử lý cạn bằng hồ thu có dung tích khoảng  $02 \text{ m}^3$  và lọc qua băng lọc cát trước khi sau đó thu về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu để xử lý.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B;  $K_q = 1,3$ ;  $K_f = 1,0$ ) đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với việc thu gom và xử lý nước mưa trong giai đoạn xây dựng:

Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm trong quá trình thi công. Bố trí rãnh thoát nước bao xung quanh khu vực công trường thu vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng:

+ Thường xuyên thu gom đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và tận dụng cho hoạt động san lấp của Khu công nghiệp.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong giai đoạn xây dựng:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, thu gom về kho lưu chứa chất thải hiện hữu diện tích  $37,5 \text{ m}^2$  có thùng chứa phân biệt riêng từng loại, dán nhãn và mã, biển cảnh báo, biện pháp thu gom chất thải lỏng và chuyển giao

cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

+ Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi khu công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi khu công nghiệp.

+ Trồng cây xanh đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 2 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1) tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1895/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019.

2.4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động thi công xây dựng và vận hành của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của khu công nghiệp, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi hoàn thành hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo của dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn tiếp theo của dự án theo quy định pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Bụi, khí thải từ 06 máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 5 kVA (02 máy), 125 kVA (03 máy) và 80 kVA (01 máy)), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai

thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.